TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 537/2026/DS-PT
Ngày: 02/6/2026.
V/v tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định.

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Hùng.

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02/6/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 529/2026/TLPT-DS ngày 13 tháng 4 năm 2026 về việc: *"Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 132/2025/DS-ST, ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân 4 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 580/2026/QĐ-PT ngày 13 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1952. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Hoàng Minh T, sinh năm 1988. Địa chỉ ấp T, xã C, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1979. (Vắng mặt).

3.2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1983. (Vắng mặt).

3.3. Ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1992. (Có mặt).

Cùng nơi cư trú: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

3.4. Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1987. Địa chỉ khu vực P, phường T, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền ông M, ông N, ông Ú: Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

3.5. Bà Nguyễn Thị Thu M1, sinh năm 1973. (Có mặt).

3.6. Cháu Nguyễn Quốc H, sinh năm 2013. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

3.7. Bà Trần Thị S, sinh năm 1932, chết ngày 21/9/2024.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ bà Trần Thị S, gồm:

- Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1960. (Có mặt).

- Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1964. (Có mặt).

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1969. (Có mặt).

Cùng nơi cư trú: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

- Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Lệ .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án, quyết định bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo được tóm tắt như sau:

* *Nguyên đơn trình bày:* Phần đất tranh chấp thuộc một phần thửa 1137 phía chồng bà L là ông Nguyễn Văn Bé H1 được cấp giấy đất từ năm 1990 cho đến nay, di chúc ông C và bà S lập năm 1995 không phù hợp quy định pháp luật, bởi lẽ thửa đất này thuộc quyền sử dụng của ông Bé H1. Tuy nhiên, cho đến hiện tại thì ông C, bà S tặng cho đất cho các con theo đúng nội dung di chúc năm 1995. Như vậy, cha mẹ cũng chia phần cho các con trong đó có ông Nguyễn Văn D, ông D không nuôi dưỡng cha mẹ mà do ông Bé H1 nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông D chỉ nuôi dưỡng cha mẹ già từ năm 2012 cho đến nay. Đối với phần đất hơn 200m^2 còn lại theo tờ di chúc năm 1995 thì vợ chồng ông C đã chuyển nhượng đất cho người khác. Riêng phần đất tranh chấp là phần đất của vợ chồng ông Bé H1. Từ đó, bà L nhận thấy yêu cầu độc lập của bà S không phù hợp và nên bà Huỳnh Thị L yêu cầu ông D trả lại nhà và phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế diện tích 292,1m^2.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn D đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Trần Thị S có đại diện theo ủy quyền trình bày:* Cha mẹ ông Nguyễn Văn D là ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị S có các người con gồm ông Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Bé H1, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Văn N1. Lúc sinh thời cha mẹ ông D tạo lập nhiều đất và đến năm 1995 vợ, chồng ông C, bà S

lập di chúc cho các con gồm ông Bé H1, ông D, bà T2, bà N2 và ông N1 mỗi người hơn 5 công đất ruộng, phần đất thổ cư nhà ở cũng chia cho 03 người con trai là ông D, ông Bé H1 và ông N1. Riêng phần diện tích còn lại khoảng hơn 200m^2 vợ, chồng ông C, bà S sinh sống, sau này ai phụng dưỡng sẽ giao lại cho người đó. Năm 2017, ông Nguyễn Văn Bé H1 chết, năm 2021 ông Nguyễn Văn C chết thì gia đình chôn ông C trên phần đất vợ, chồng ông C sinh sống từ trước cho đến nay thì phía chị dâu là bà Huỳnh Thị L và các con bà L ngăn cản không cho chôn cất trên phần đất hơn 200m^2 này, sau khi chính quyền địa phương can thiệp thì ông C mới được chôn cất. Ông Nguyễn Văn D chăm sóc phụng dưỡng cha mẹ từ năm 2007 cho đến nay nên ông khởi kiện yêu cầu công nhận phần đất theo đo đạc thực tế 292,1m^2 để làm thủ thờ phụng dưỡng mẹ già. Tuy nhiên, ông D thấy rằng phần đất này của cha, mẹ và bà S còn sống và đang sinh sống trên thửa đất này nên ông rút yêu cầu khởi kiện để bà Trần Thị S có thay đổi, bổ sung yêu cầu độc lập yêu cầu bà Huỳnh Thị L và các con ông Bé H1 gồm Nguyễn Văn Ú, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị Thùy T3 trả lại phần đất diện tích 292,1m^2 (phần B, phần E) và công nhận lối đi chung diện tích 107,7m^2. Ngày 21/9/2024 bà Trần Thị S chết, phía ông D với tư cách kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà S thống nhất theo yêu cầu độc lập của bà S. Tại phiên toà, có thay đổi, bổ sung cụ thể yêu cầu:

- Yêu cầu bà Huỳnh Thị L và các con ông Bé H1 gồm Nguyễn Văn Ú, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị Thùy T3 trả lại phần đất diện tích 217,9m^2 (phần diện tích B).

- Yêu cầu công nhận phần đất diện tích 74,2m^2 (phần diện tích E) thuộc quyền sử dụng đất chung.

- Yêu cầu công nhận lối đi chung diện tích 107,7m^2. (Phần diện tích C, F)

** Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Trần Thị S là bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn N1 trình bày*: Hai ông bà là con ruột bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn C, trước năm 1970 cha mẹ có khai hoang phần đất thổ cư diện tích khoảng 1.200m^2 trong đó có phần đất tranh chấp. Năm 1989, Nhà nước có chính sách kê khai để cấp giấy đất, tuy nhiên cha mẹ khó khăn đi làm xa nên nhờ ông Nguyễn Văn Bé H1 (chồng bà L) kê khai hộ và sau đó ông Bé H1 đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng đất. Ngày 23/3/1995 cha mẹ có làm di chúc chia mỗi người con đất ruộng để canh tác, còn phần đất thổ cư làm phủ thờ với tâm nguyện khi nào cha mẹ mất thì giao lại cho người nào ở chung và nuôi dưỡng khi qua đời. Năm 2016, khi cha còn sống đã phát hiện phần đất thổ cư do ông Bé H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên cha có đến UBND xã trình báo và ông Bé H1 cam kết giao lại phần đất này cho cha mẹ, khi chưa thực hiện thì năm 2017 ông Bé H1 chết. Bà L là vợ và các con anh B H1 nhiều lần đuổi cha mẹ ra khỏi nhà để chiếm đoạt phần đất cha, mẹ đang ở. Ngày 17/9/2020 cha có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai với bà L, tuy nhiên thời điểm này cha lâm bệnh nặng nên ông D đi thay, sau đó thì cha mất. Sau này, mẹ là bà Trần Thị S có yêu cầu độc lập yêu cầu bà L và các con trả lại phần đất diện tích 217,9m^2 và giao lại cho ông D quản lý, sử dụng là đúng với tâm nguyện của cha, mẹ.

** Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng bà Nguyễn Thị N2 vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà N2 trình bày:* Bà xác định không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án và xin miễn tham gia tố tụng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu M1 trình bày:* Thống nhất theo ý kiến trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn D, không trình bày gì thêm.

* Tại Bản án sơ thẩm số 132/2025/DS-ST, ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cần Thơ đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn D trả lại phần đất tranh chấp diện tích 292,1m^2 và căn nhà trên đất.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D do rút yêu cầu.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trần Thị S có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn N1, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị N2 đối với bà Huỳnh Thị L và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn Bé H1 (chết) gồm anh Nguyễn Văn Ú, anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị Thùy T3.

Buộc bà Huỳnh Thị L và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn Bé H1 gồm anh Nguyễn Văn Ú, anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị Thùy T3 trả lại quyền sử dụng đất diện tích 217,9m^2 cho bà Trần Thị S có hàng thừa kế gồm ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn N1, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị N2 và hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn Bé H1. Giao phần đất diện tích 217,9m^2 và căn nhà trên đất cho ông D đại diện quản lý, sử dụng.

Công nhận phần đất diện tích 74,2m^2 (phần diện tích E) thuộc quyền sử dụng đất chung giữa hàng thừa kế bà Trần Thị S, ông Nguyễn Văn C với hộ gia đình bà Huỳnh Thị Lệ .

Công nhận phần đất diện tích 107,7m^2 (gồm phần diện tích C, diện tích F) là lối đi chung.

Kiến nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi một phần diện tích giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02244 cấp ngày 03/6/2014 do ông Nguyễn Văn Bé H1 đại diện hộ gia đình đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vị trí, kích thước phần đất giao cho ông Nguyễn Văn D đại diện quản lý, sử dụng theo bản trích đo địa chính do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C lập ngày 03/02/2023.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 29/10/2025, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ

thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo, bị đơn giữ nguyên ý kiến, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị S giữ nguyên yêu cầu độc lập. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo và cho rằng kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo và các vấn đề có liên quan đến việc kháng cáo.

[2]. Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Quốc H, bà Nguyễn Thị N2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 tham gia phiên toà nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với những người trên.

[3]. Xét kháng cáo của nguyên đơn. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện mặt dù trước đây Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông D vẫn là nguyên đơn trong khi ông D đã rút đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố của mình, như vậy bị đơn trở thành nguyên đơn và nguyên đơn trở thành bị đơn theo khoản 1 Điều 245 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sau đó đến ngày 15/9/2025 Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và xác định lại nguyên đơn bà Huỳnh Thị L, bị đơn ông Nguyễn Văn D, nhưng bản án sơ thẩm không nhận định về việc thay đổi địa vị tố tụng là thiếu sót nhưng cũng đã xem xét, đánh giá chứng cứ về yêu cầu của bà L, do đó không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà L.

[4]. Ngày 07/9/2023 bà Trần Thị S có đơn yêu cầu độc lập và được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý đúng quy trình tố tụng, thấy rằng theo quy định của pháp luật tố tụng không bắt buộc đương sự lớn tuổi phải khám sức khỏe để chứng minh năng lực khi đi khởi kiện. Tuổi tác đơn thuần không phải là căn cứ tước đi quyền tự mình tham gia tố tụng, miễn là người đó đủ 18 tuổi, như vậy việc nguyên đơn cho

rằng phải xem xét nhận thức năng lực hành vi dân sự của bà Trần Thị S để xác định tư cách tố tụng là không có căn cứ. Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu độc lập của bà S đến ngày 21/9/2024, việc nguyên đơn cho rằng sau khi bà S chết phải chấm dứt quyền và nghĩa vụ theo quy định điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự là không chính xác, bởi vì Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu độc lập của bà S đúng quy trình tố tụng. Theo quy định của pháp luật hiện hành, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng khi đương sự chết bắt buộc phải là người còn sống vì người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng phải có trách nhiệm tham gia tố tụng để tiếp tục giải quyết vụ án và thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, đối với những người con của ông Nguyễn Văn Bé H1 là thừa kế thế vị khi có yêu cầu chia thừa kế. Tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định "*Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*. Do đó việc nguyên đơn cho rằng bà S không có văn bản pháp lý nào chứng minh là chủ thể tài sản nên chưa có quyền về tài sản cho nên Tòa án cấp sơ thẩm đưa những người con còn sống của bà S vào tham gia tố tụng là trái quy định là không có căn cứ. Như vậy sau bà S chết, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác người những người con của bà S gồm ông Nguyễn Văn N1, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị N2 là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà S là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc đang tranh chấp của ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị S. Năm 1995, vợ chồng ông C lập tờ di chúc cho mỗi người con trong đó có ông Bé H1, ông D, bà T2, bà N2, ông N1 mỗi người hơn 05 công đất ruộng, riêng con trai mỗi người một nền thổ cư trong đó có ông Bé H1. Mặc dù, tờ di chúc về hình thức không đúng, đất cũng do ông Bé H1 đại diện hộ đứng tên, nhưng nguyên đơn cũng như các đương sự khác thừa nhận cho đến hiện tại các người con vẫn sử dụng đất mà ông C, bà S tặng cho theo đúng nội dung di chúc năm 1995, ngoài ra trong tờ di chúc ngày 23/3/1995 ông Bé H1 cũng ký tên vào di chúc đều này thể hiện phần đất là của ông C và bà S. Mặt khác, tại biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 19/5/2021 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C trước đây bà L thống nhất tách phần đất tranh chấp này cho vợ, chồng C theo hiện trạng và lối đi công cộng như bản trích đo địa chính số 59 ngày 09/01/2023 của Trung tâm K thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[6]. Tại khoản 1 Điều 202 Luật Đất đai năm 2013 quy định "*Nhà nước khuyến khích các bên tranh chấp đất đai tự hòa giải hoặc giải quyết tranh chấp đất đai thông qua hòa giải ở cơ sở*". Tại biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 19/5/2021 của Ủy ban nhân dân xã T thể hiện các bên tranh chấp là ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Thị L, sau đó ông D khởi kiện bà L và L có yêu cầu phản tố, như vậy tranh chấp này đã được hòa giải cơ sở.

[7]. Đối với điều kiện tách thửa, thấy rằng tại khoản 2 Điều 5 Quy định chuyển tiếp của Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố C có quy định "*Trường hợp tách thửa đất, hợp thửa đất đã được giải quyết theo kết quả hòa giải thành về tranh chấp đất đai được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền công nhận; thực hiện quyết định hành chính giải quyết tranh chấp, khiếu nại về đất đai; bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân trước ngày Luật Đất đai số 31/2024/QH15 có hiệu lực thi hành thì việc tách thửa đất, hợp thửa đất thực hiện theo kết quả giải quyết đó*". Như vậy theo Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố C quy định diện tích đất ở của toàn bộ các phường diện tích tối thiểu là 40m^2, diện tích đất trồng cây lâu năm toàn bộ các phường là 150m^2. Do đó kháng cáo của nguyên đơn cho rằng quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm về điều kiện tách thửa là không có căn cứ.

[8]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[9]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[10]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L về việc hủy Bản án dân sự sơ thẩm. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 132/2025/DS-ST, ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cần Thơ.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị L được miễn án phí theo quy định.

3. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND Khu vực 4- Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 4-Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 4-Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, TDS, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Định